

政府

越南社會主義共和國

獨立－自由－幸福

編號：371/2026/ND-CP

河內市，2026 年 9 月 25 日

議定

詳細規定外國組織、個人在越南招聘及管理越南籍勞工之事項

依據第 63/2025/QH15 號《政府組織法》；

依據第 72/2025/QH15 號《地方政府組織法》；

依據第 45/2019/QH14 號《勞動法典》；

依外交部長之提議；

政府頒布詳細規定外國組織、個人在越南招聘及管理越南籍勞工事項之議定。

第一章 總則

第 1 條 調整範圍

本議定依第 45/2019/QH14 號《勞動法典》第 150 條第 3 款，規定外國組織、個人在越南招聘及管理越南籍勞工之事項。

第 2 條 適用對象

1. 為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工。
2. 在越南之外國組織。
3. 在越南之外國個人。
4. 有權管理為本議定第 3 條第 2 款、第 3 款所定外國組織、個人工作的越南籍勞工之機關、組織。
5. 向本議定第 3 條第 2 款、第 3 款所定在越南之外國組織、個人提供勞務派遣的企業。

第 3 條 詞語釋義

在本議定中，下列詞語理解如下：

1. 為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工，係指為本條第 2 款、第 3 款所定外國組織、個人工作的越南公民。
2. 在越南之外國組織，係指經越南有權機關許可在越南領土內活動的外國機關、組織，包括：



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- a) 外國外交代表機構、外國領事機構，聯合國系統所屬國際組織代表機構、政府間國際組織，區域、次區域組織；
 - b) 外國政府所屬組織的代表處；
 - c) 外國通訊社、新聞報刊、廣播及電視機構的常駐代表處；
 - d) 經越南有權機關依越南法律規定核發登記證書的外國非政府組織。
3. 在越南之外國個人，係指在本條第 2 款所定組織中工作，並有僱用越南籍勞工行為的外國人。

第 4 條 一般原則

- 1. 確保遵守越南勞動法律及其他相關法律規定。
- 2. 保護為本議定第 3 條第 2 款、第 3 款所定在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工之合法權益。
- 3. 為外國組織、個人在越南有效開展活動創造便利條件。

第 5 條 對為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工之管理權限

有權管理為本議定第 3 條第 2 款、第 3 款所定在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工之機關、組織，係指經外交部依法律規定進行分級、授權、交辦任務、採購訂製或招標，以實施越南籍勞工管理的機關、組織。

第二章 為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理

第 6 條 招聘為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工

- 1. 當有招聘越南籍勞工之需求時，外國組織、個人須以書面形式直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址進行通知，其中明確載明工作職位、所需招聘人數。同時，外國組織、個人必須在國家就業交易平臺（網址：<https://www.viecclam.gov.vn>）或其他合法就業入口網站或該組織的官方網站上公開發布招聘越南籍勞工之資訊。
- 2. 外國組織、個人可直接招聘越南籍勞工，或請求本議定第 5 條所規定的管理機關、組織協助招聘越南籍勞工。
- 3. 當收到外國組織、個人的請求時，本議定第 5 條所規定的管理機關、組織根據所提供的工作職責說明進行甄選、推薦候選人。

第 7 條 對為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之管理

- 1. 自與越南籍勞工簽訂勞動合約之日起 10 個工作日內，外國組織、個人須以書面形式直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址進



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

行通知，其中載明被錄用之越南籍勞工的姓名、個人身分識別碼、工作職位及開始工作時間。

2. 自與外國組織、個人簽訂勞動合約之日起 10 個工作日內，越南籍勞工有責任直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址，提交本議定第 8 條第 1 款、第 2 款所規定的勞工管理檔案。
3. 自完整接收外國組織、個人的通知及越南籍勞工管理檔案之日起 10 個工作日內，本議定第 5 條所規定的管理機關、組織以直接或線上書面形式向外國組織、個人發送關於接收管理越南籍勞工的通知。
4. 自與越南籍勞工終止勞動合約之日起 10 個工作日內，外國組織、個人須以書面形式直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址進行通知，其中載明終止理由。
5. 自收到外國組織、個人終止與越南籍勞工之勞動合約的通知之日起 03 個工作日內，本議定第 5 條所規定的管理機關、組織：
 - a) 以直接或線上方式發送關於終止管理為外國組織、個人工作的越南籍勞工之確認函；
 - b) 依法律規定將越南籍勞工管理檔案退還給越南籍勞工。

第 8 條 為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之管理檔案

1. 依本議定所附附錄第 01 號表格式樣填寫的越南籍勞工個人資訊表。
2. 越南籍勞工與外國組織、個人簽訂的勞動合約副本。
3. 依本議定所附附錄第 02 號表格式樣核發的為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工完成國家政策、法律宣傳普及課程證明書。

第 9 條 為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之管理機關、組織的責任

1. 接收外國組織、個人提出協助招聘越南籍勞工的請求；根據外國組織、個人的招聘要求接收越南籍勞工的應聘檔案；為外國組織、個人甄選、推薦越南籍勞工。
2. 接收越南籍勞工管理檔案，並對為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工實施管理。
3. 依法律規定以實體或線上形式，為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工組織國家政策、法律宣傳普及課程；核發完成國家政策、法律宣傳普及課程證明書，並將資訊補充至越南籍勞工管理檔案中。
4. 參與協助保護為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之合法權益。
5. 為在越南的外國組織、個人提供關於僱用越南籍勞工的諮詢協助。

6. 依據本議定第 8 條所規定的勞工管理檔案，協助核實越南籍勞工在為在越南之外國組織、個人工作期間的人事資訊。
7. 於每年 12 月 20 日前，依本議定所附附錄第 03 號表格式樣，定期向外交部報告為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理情況。
8. 執行法律規定的其他任務。

第 10 條 在越南的外國組織、個人在招聘、僱用越南籍勞工時的責任

1. 遵守本議定之規定、勞動法律及其他相關法律規範性文件。
2. 正確履行與越南籍勞工簽訂的勞動合約。
3. 為越南籍勞工創造條件以：
 - a) 齊備勞工管理檔案，並依本議定第 7 條、第 8 條之規定在管理機關、組織履行勞工管理規定；
 - b) 在為外國組織、個人工作期間，參加由本議定第 5 條所規定的管理機關、組織所舉辦的國家政策、法律宣傳普及課程。
4. 自開始使用勞務派遣企業服務之日起 07 個工作日內，依本議定所附附錄第 04 號表格式樣，以書面形式直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址，通知關於使用勞務派遣服務事宜。
5. 於每年 12 月 15 日前，依本議定所附附錄第 05 號表格式樣，定期以直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址，發送越南籍勞工招聘及僱用情況資訊表。

第 11 條 越南籍勞工為在越南的外國組織、個人工作時的權利、義務及責任

1. 有權依法律規定參加政治組織、政治社會組織。
2. 有權請求本議定第 5 條所規定的管理機關、組織在為外國組織、個人工作期間，協助諮詢以保護自身合法權益。
3. 有權請求本議定第 5 條所規定的管理機關、組織依據本議定第 8 條所規定的勞工管理檔案，協助核實人事資訊。
4. 遵守越南關於勞動、維護國家安全、社會秩序與安全之法律及其他相關法律規定。
5. 有責任自與在越南的外國組織、個人簽訂勞動合約之日起 06 個月內，完成國家政策、法律宣傳普及課程。
6. 正確履行與在越南的外國組織、個人簽訂的勞動合約。

7. 正確履行本議定第 7 條、第 8 條關於為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之勞工管理及勞工管理檔案之規定。
8. 當個人資訊有任何變更或當管理機關、組織提出要求時，更新勞工管理檔案並以直接、透過郵政服務或在線上透過管理機關、組織之官方電子郵件地址發送至本議定第 5 條所規定的管理機關、組織。

第 12 條 向在越南的外國組織、個人派遣勞工之勞務派遣企業的責任

1. 於每年 12 月 15 日前，依本議定所附附錄第 06 號表格式樣，以直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址，定期發送為在越南的外國組織、個人派遣越南籍勞工的情況報告。
2. 自向在越南的外國組織、個人派遣越南籍勞工之日起 10 個工作日內，依本議定所附附錄第 07 號表格式樣，以直接、透過郵政服務或在線上透過本議定第 5 條所規定的管理機關、組織之官方電子郵件地址，發送被在越南的外國組織、個人承租的越南籍勞工名單。

第三章 施行條款

第 13 條 施行效力

1. 本議定自 2026 年 11 月 15 日起施行。
2. 政府 2020 年 12 月 30 日關於在越南工作的外國籍勞工以及為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理規定的第 152/2020/NĐ-CP 號議定中，經政府 2023 年 9 月 18 日第 70/2023/NĐ-CP 號議定修改、補充的關於為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理內容，自本議定生效之日起失效。

第 14 條 過渡條款

在經濟、商業、金融、銀行、保險、科學技術、文化、教育、醫療、外國法律諮詢領域開展活動的外國組織在越南代表處所僱用的越南籍勞工之招聘及管理，依照《勞動法典》及其他相關法律規定執行。

第 15 條 執行責任

1. 外交部的責任
 - a) 協助政府自中央至地方對為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理履行國家管理職能；
 - b) 綜整實施過程中的困難與阻礙，並向有權主管機關提出建議與報告；
 - c) 外交部長詳細規定為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工舉辦的國家政策、法律宣傳普及課程之內容、時間及形式；



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

d) 檢查本議定各項規定的執行情況。

2. 內務部的責任

a) 應要求配合就為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工情況進行報告；

b) 指導執行關於政策、就業、勞動、工資及與為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工相關之其他內容的法律規定。

3. 國防部的責任

配合外交部及本議定第 5 條所規定的管理機關、組織，執行關於在邊境地區、口岸、海島、戰略與重點區域及國防要衝地區維護安全、秩序與社會安全的法律規定。

4. 公安部的責任

a) 配合外交部、本議定第 5 條所規定的管理機關與組織、僱用越南籍勞工的外國組織與個人，以及向在越南的外國組織、個人派遣越南籍勞工的勞務派遣企業，執行關於維護安全、秩序與社會安全的法律規定；

b) 配合對為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理相關規定的執行情況進行監察、檢查，以防範利用勞動關係實施侵害國家利益、國家安全的行為或超出許可範圍開展活動。

5. 省及中央直轄市人民委員會的責任

配合外交部及有權機關開展地方上為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理工作。

6. 各部部长、部級機關首長、各省及直轄市人民委員會主席以及相關機關、組織、個人負責執行本議定。

收件處：

- 黨中央書記處；
- 政府總理、各位政府副總理；
- 各部、部級機關；
- 各省、市人民議會、人民委員會；
- 中央辦公廳及黨中央各部委；
- 總書記辦公室；
- 國家主席辦公廳；
- 國會民族委員會及國會各委員會；
- 國會辦公廳；
- 最高人民法院；
- 最高人民檢察院；

代表政府

代行總理職權

副總理



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- 國家審計署；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各政治社會組織之中央機關；
- 政府辦公廳：部長兼辦公廳主任、各位副主任、總理助理，各司、局、公報；
- 存檔：文書、科教文社處 (2)。

范氏青茶

附錄

用於為在越南之外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理工作中的文書表格式樣

(隨政府 2026 年 9 月 25 日第 371/2026/NĐ-CP 號議定附發)

表格式樣第 01 號	越南籍勞工個人資訊表
表格式樣第 02 號	為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工完成國家政策、法律宣傳普及課程證明書
表格式樣第 03 號	為在越南的外國組織、個人工作的越南籍勞工之招聘及管理情況報告
表格式樣第 04 號	使用勞務派遣企業服務情況資訊表
表格式樣第 05 號	越南籍勞工招聘及僱用情況資訊表
表格式樣第 06 號	為在越南的外國組織、個人派遣越南籍勞工情況報告
表格式樣第 07 號	被在越南的外國組織、個人承租的越南籍勞工名單

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
 熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
- Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là công dân Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.
2. Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan, tổ chức nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, gồm:
 - a) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế liên Chính phủ, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực;
 - b) Văn phòng đại diện tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài;
 - c) Văn phòng thường trú cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình nước ngoài;
 - d) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Cá nhân nước ngoài tại Việt Nam là người nước ngoài làm việc tại các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này có hoạt động sử dụng người lao động Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động và pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.
2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.
3. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

Điều 5. Thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này là các cơ quan, tổ chức được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện quản lý người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chương II

TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 6. Tuyển dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu rõ vị trí việc làm, số lượng cần tuyển dụng. Đồng thời, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện đăng tải

công khai thông tin tuyển dụng người lao động Việt Nam trên Sàn giao dịch việc làm quốc gia (địa chỉ: <https://www.vieclam.gov.vn>) hoặc công thông tin việc làm hợp pháp khác hoặc trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tuyển dụng người lao động Việt Nam hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam.

3. Khi có đề nghị từ tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện việc tuyển chọn, giới thiệu ứng viên theo mô tả công việc đã được cung cấp.

Điều 7. Quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân, vị trí việc làm và thời điểm bắt đầu làm việc của người lao động Việt Nam được tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người lao động Việt Nam có trách nhiệm nộp hồ sơ quản lý người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ thông báo của tổ chức, cá nhân nước ngoài và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc trực tuyến đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận quản lý người lao động Việt Nam.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nêu lý do chấm dứt.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này:

a) Gửi văn bản xác nhận trực tiếp hoặc trực tuyến về việc chấm dứt quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Hoàn trả hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam cho người lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Bản sao hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
3. Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Tiếp nhận đề nghị hỗ trợ việc tuyển dụng người lao động Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của người lao động Việt Nam theo yêu cầu tuyển dụng của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tuyển chọn, giới thiệu người lao động Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Tiếp nhận hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam và thực hiện quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3. Tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước và bổ sung thông tin vào hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam.
4. Tham gia hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
5. Hỗ trợ tư vấn cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam về việc sử dụng người lao động Việt Nam.
6. Hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự của người lao động Việt Nam trong thời gian làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.
7. Định kỳ báo cáo Bộ Ngoại giao trước ngày 20 tháng 12 hằng năm về tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam

1. Tuân thủ quy định tại Nghị định này, pháp luật về lao động và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động Việt Nam.

3. Tạo điều kiện để người lao động Việt Nam:

a) Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ quản lý người lao động và thực hiện quy định về quản lý người lao động tại cơ quan, tổ chức quản lý theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này;

b) Tham gia chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước do cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này tổ chức trong quá trình người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, thông báo bằng văn bản trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này về việc sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Được tham gia tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này hỗ trợ xác nhận thông tin về nhân sự trên cơ sở hồ sơ quản lý người lao động quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Tuân thủ pháp luật của Việt Nam về lao động, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Có trách nhiệm hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vòng 06 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng lao động với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

7. Thực hiện đúng quy định về quản lý người lao động và hồ sơ quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

8. Cập nhật hồ sơ quản lý người lao động và gửi đến cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý khi có bất kỳ thay đổi nào về thông tin cá nhân hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp cho thuê lại lao động làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, gửi danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại bằng hình thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến, qua địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.
2. Nội dung về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Việc tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực: kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật nước ngoài được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao
 - a) Giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam từ trung ương đến địa phương;

- b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền;
- c) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết về nội dung, thời gian, hình thức của chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

- a) Phối hợp báo cáo về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam khi có yêu cầu;
- b) Hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về chính sách, việc làm, lao động, tiền lương và các nội dung khác có liên quan đến người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.

4. Trách nhiệm của Bộ Công an

- a) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan, tổ chức quản lý quy định tại Điều 5 Nghị định này, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động Việt Nam và doanh nghiệp cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam nhằm phòng ngừa việc lợi dụng quan hệ lao động để thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích, an ninh quốc gia hoặc hoạt động ngoài phạm vi được cấp phép.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có thẩm quyền trong công tác tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam ở địa phương.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

Phạm Thị Thanh Trà

PHỤ LỤC

MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị định số 371/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu thông tin cá nhân của người lao động Việt Nam
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước cho người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Phiếu thông tin tình hình sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
Mẫu số 05	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động Việt Nam
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình cho thuê lại lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 07	Danh sách người lao động Việt Nam được tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuê lại

Tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam:

Tổ chức sử dụng người lao động Việt Nam:

Mã số hồ sơ cá nhân:

Ảnh màu (4 x 6 cm)	PHIẾU THÔNG TIN CÁ NHÂN
	1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
	2) Các tên gọi khác:
	3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính:.....
	4) Nơi sinh:
	5) Quê quán: (xã, phường, đặc khu) (tỉnh, thành phố):

6) Dân tộc:
.....

7) Tôn giáo:
.....

8) Số định danh cá nhân.....

9) SĐT liên hệ: Email:
.....

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu:
.....

10) Mã số BHXH (nếu có):
.....

11) Nơi ở hiện nay:
.....

12) Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:
.....

13) Tổ chức tuyển dụng:
.....

14) Chức vụ hiện tại:

.....

15) Công việc chính được giao:

.....

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/.../..... Ngày chính thức:....../.../.....

17) Trình độ giáo dục phổ thông (*đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào*):

18) Trình độ chuyên môn cao nhất:

19) Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc:

20) QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Tháng/năm		Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng, trình độ
Từ	Đến				

21) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC

Tháng/năm		Tên tổ chức tuyển dụng	Chức danh/ Chức vụ
Từ	Đến		

22) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

22.1 - Khai rõ: bị bắt, bị tù (*từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?*), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? (nếu có)

.....

.....

22.2- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội... ở nước ngoài

Tháng/năm		Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở, công việc đã làm
Từ	Đến	

23) KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

23.1- Khen thưởng:

.....

23.2- Kỷ luật:

.....

24) QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ/chồng, các con, anh chị em ruột)

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội (trong, ngoài nước); tiền án, tiền sự (nếu có)

Tôi xin cam đoan nội dung tôi khai ở trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

.....ngày....tháng...năm.....

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ
(LOGO CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ)

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số chứng nhận:.....

Cấp cho Ông/Bà:

.....

Đơn vị:

.....

Đã hoàn thành chương trình:

TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Tổ chức tại:

Ngày:

..., ngày....tháng....năm ..
CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

--

Mẫu số 03

**TÊN CƠ QUAN/
TỔ CHỨC BÁO CÁO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC
CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN NƯỚC NGOÀI TRONG NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lao động đã tuyển dụng	Loại hợp đồng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

II. TÌNH HÌNH TUYỂN CHỌN, GIỚI THIỆU NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG
NĂM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số lượt ứng viên đã tuyển chọn, giới thiệu	Số ứng viên trúng tuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
...				
...				

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

STT	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài	Số người lao động Việt Nam	Biến động trong kỳ báo cáo		Số người lao động Việt Nam đã được quản lý	Phiếu thông tin tình hình tuyển dụng, sử dụng người lao động	
			Tăng	Giảm		Có gửi	Không gửi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
...							
...							

	Tổng số						
--	----------------	--	--	--	--	--	--

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nếu có)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC...
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI...
*NAME OF FOREIGN
 ORGANISATION/INDIVIDUAL*

*..., ngày (date)... tháng (month)... năm
 (year)...*

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG¹
INFORMATION ON LABOUR LEASING ENTERPRISES

STT <i>No.</i>	Tên doanh nghiệp cho thuê lại lao động <i>Name of enterprise</i>	Địa chỉ, điện thoại liên hệ <i>Address, telephone</i>	Số lao động Việt Nam đang sử dụng thông qua doanh nghiệp <i>Number of Vietnamese employees supplied by the mentioned enterprise</i>	Thời gian sử dụng dịch vụ cho thuê lại lao động <i>Duration of supplied service</i>	Ghi chú <i>Note</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1					
2					
...					
...					
Tổng số <i>Total</i>					

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
(signed and sealed)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo/ *The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the reporting period to December 14 of the reporting period.*

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI....
NAME OF FOREIGN
ORGANISATION/INDIVIDUAL

..., ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

PHIẾU THÔNG TIN
TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
 (Tính từ ngày ... tháng ... năm.... đến ngày ... tháng ... năm.....)¹
INFORMATION ON RECRUITMENT AND EMPLOYMENT OF VIETNAMESE EMPLOYEES

(from/.../..... to/...../.....)

I. TÌNH HÌNH TUYỂN DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG NĂM...
INFORMATION ON RECRUITMENT OF VIETNAMESE EMPLOYEES IN THE YEAR OF...

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>DOB</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Vị trí việc làm <i>Position</i>	Thời điểm bắt đầu làm việc <i>Start date</i>	Thời điểm kết thúc làm việc <i>End date</i>	Loại hợp đồng lao động <i>Type of labour contract</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐANG LÀM VIỆC CHO... /LIST OF VIETNAMESE EMPLOYEES WORKING FOR...

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>DOB</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	Vị trí việc làm <i>Position</i>	Số điện thoại <i>Cell phone number</i>	Ghi chú <i>Note</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT/RECOMMENDATIONS

1. Với tổ chức có thẩm quyền quản lý người lao động Việt Nam/*To the authority*

2. Về người lao động Việt Nam/*About the Vietnamese employees*
3. Các vấn đề khác/*Others*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)
FOR THE FOREIGN ORGANISATION/INDIVIDUAL
(signed and sealed)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo/ *The period for data cut-off for annual reports shall be counted from December 15 of the year preceding the reporting period to December 14 of the reporting period.*

Mẫu số 06

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày ... tháng ... năm.....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM¹

Kính gửi:.....

I. TÌNH HÌNH CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀM VIỆC CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG NĂM...

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng lao động	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

1						
2						
...						

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(nếu có)*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Mẫu số 07

**TÊN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THUÊ LẠI

Kính gửi:

STT	Tên người lao động	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Vị trí	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài sử	Ngày cho thuê lại lao động	Ghi chú
-----	-----------------------	---------------------------	----------------------------	--------	--	-------------------------------------	---------

					dụng lao động		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)